

 PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	  VILAS 746
---	---	--

Số: 12/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	47M ₁ 01/16	Công Ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	11/04/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	48M ₁ 01/16	Điểm Giao Dịch Cấp Nước - An Phú		Trần Quang Vinh	11/04/2016 9g30-9g45	
3	49M ₁ 01/16	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	11/04/2016 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
4	49M ₂ 01/16	Cảng cá Phường 6			11/04/2016 9g00-9g15	
5	49M ₃ 01/16	Ủy ban nhân dân Tỉnh		Phạm Thị Luyện	11/04/2016 9g30-9g45	
6	50B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa			11/04/2016 8g00-8g15	

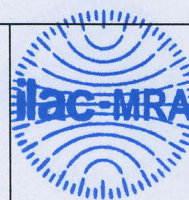
II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				47M ₁ 01/16	48M ₁ 01/16	49M ₁ 01/16	49M ₂ 01/16
1	pH	6,5-8,5		6,89	6,87	6,90	6,80
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,60	1,12	1,01	0,76
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04	0,03	0,03	0,03
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15,16	15,49	15,49	15,83
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42,88	42,37	43,39	42,88
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	11,60	8,10	8,10	8,80
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5,90	4,30	4,60	4,7
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,40	7,60	7,60	7,90
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,26	0,32	0,26	0,39
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				49M ₃ 01/16	50B01/16		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6,82	6,81		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,86	0,70		
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,05	0,04		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15,49	15,16		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42,37	42,88		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	8,80	9,10		
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	4,70	4,80		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,90	7,30		
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,32		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,44		

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 04 năm 2016

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân